TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1722/QĐ-EVNHANOIESC

Hà Đông, ngày 10 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu:"Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh đợt 3 năm 2026"

GIÁM ĐỐC CÔNG TY DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-HĐTV ngày 08/10/2026 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế mua sắm;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2026 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy chế mua sắm trong Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-HĐTV ngày 05/11/2026 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế mua sắm trong Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội;

Căn cứ vào Quyết định số 6020/QĐ-EVNHANOI của Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội ngày 30/11/2017 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội;

Căn cứ vào Tờ trình số 423/KHSX ngày 07/11/2026 về việc đề xuất chủ trương mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh đợt 3 năm 2026 đã được Giám đốc Công ty duyệt;

Căn cứ tờ trình số 428/KHSX ngày 10/11/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu:"Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh đợt 3 năm 2026";

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng kế hoạch sản xuất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu:"Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh đợt 3 năm 2026" với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Phòng Kế hoạch sản xuất chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (bà) Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất, Phòng tài chính kế toán, Phòng kỹ thuật an toàn căn cứ quyết định để thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (Để thực hiện);
- Lưu: VT, KHSX.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N:0100101114-029-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Văn Hải

Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo quyết định số / QĐ-EVNHANOIESC ngày tháng năm 2026)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	***Tóm tắt công việc chính của gói thầu***										
1	**Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội**	Gói thầu: "Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh đợt 3 năm 2026"	Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh đợt 3 năm 2026	1.860.834.018	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026	Chào giá trực tuyến rút gọn	một giai đoạn một túi hồ sơ	15 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	20 ngày	Không áp dụng	Không
Tổng giá gói thầu				**1.860.834.018**									

Phụ lục II

CHI TIẾT GÓI THẦU

(Kèm theo tờ trình số: /KHSX ngày tháng năm 2026)

Gói thầu: "Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh đợt 3 năm 2026"

STT	Tên VTTB	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền	Cơ sở lấy giá
I	**Phần thiết bị**					
1	Tủ tổng hạ áp; <1kV; 1000A; Thép sơn tĩnh điện, Ngoài trời;	tủ	5	145.156.400	725.782.000	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
2	Tủ tụ bù hạ áp; thép sơn tĩnh điện; ngoài trời; <1kV; Cấu hình điều khiển bù tự động; 6x15kVAr	Tủ	1	68.040.000	68.040.000	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
4	Biến dòng điện hạ áp RCT-0.6; 0,6kV; 1000/5A; 0,5	quả	9	514.080	4.626.720	KQLCNT 10/08/2026 – Công ty Điện lực Thanh Hóa - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc
II	**Phần vật liệu**				-	
5	Cầu chì tự rơi (FCO); polymer; 24kV; 200A; 10kA; 25mm/kV	Bộ 1 pha	6	1.650.300	9.901.800	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
6	Dây chì thay thế (Fuse link); loại K; 24kV; 25A; L=530mm	cái	4	165.300	661.200	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
7	Nắp chụp cách điện đầu cực FCO; Silicone; 24kV	Bộ 3 pha	2	702.000	1.404.000	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội

STT	Tên VTTB	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền	Cơ sở lấy giá
8	Nắp chụp đầu cực; Silicon; CSV	Bộ 3 pha	4	135.000	540.000	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
9	Nắp chụp đầu cực; Silicon; sứ MBA	Bộ 3 pha	2	191.730	383.460	KQLCNT 03/11/2026 – Công ty Điện lực Đà Nẵng - CN Tổng Công ty Điện lực miền Trung
10	Nắp chụp đầu cực; Silicon; sứ hạ thế	Bộ 4 pha	2	193.160	386.320	KQLCNT 03/11/2026 – Công ty Điện lực Đà Nẵng - CN Tổng Công ty Điện lực miền Trung
11	Vỏ trạm kios 3 ngăn Kích thước tối thiểu 4mx2,2mx2,5m; có khung đế chịu lực lắp đặt MBA trên khung đế	cái	3	130.496.400	391.489.200	KQLCNT 12/10/2026 – Công ty Điện lực Hà Đông
12	Cầu chì ống trung thế (HRC); chuẩn UTE; 22kV; 25A; 50kA; L=509mm	cái	9	2.450.600	22.055.400	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
13	Bộ báo sự cố FPI; Lắp cho tủ RMU	bộ	1	6.696.000	6.696.000	KQLCNT 28/09/2026 – Công ty Điện lực Thạch Thất
14	Hộp đầu cáp 24kV-3x95mm2 ngoài trời	Hộp	1	9.582.840	9.582.840	KQLCNT 21/10/2026 – Công ty Điện lực Thanh Hóa - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc
15	Cáp ngầm đồng; XLPE/ /PVC/DATA/PVC; 1x95mm2; 22kV	m	120	774.908	92.988.960	Giá liên sở Quý III/2026 - Hà Nội
16	Cáp ngầm đồng; XLPE/ /PVC/DATA/PVC; 1x50mm2; 22kV	m	45	429.900	19.345.500	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
17	Dây đồng bọc XLPE/PVC; CXV; 1x50mm2; 0,6/1kV	m	52	205.200	10.670.400	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội

STT	Tên VTTB	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền	Cơ sở lấy giá
18	Dây đồng bọc XLPE/PVC; CXV; 1x35mm2; 0,6/1kV	m	45	202.824	9.127.080	Giá liên sở Quý III/2026 - Hà Nội
19	Dây đồng bọc XLPE; 1x50mm2; 22kV	Mét	30	162.000	4.860.000	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
20	Dây đồng bọc PVC; CV; 1x240mm2; 0,6/1kV	m	189	1.393.848	263.437.272	Giá liên sở Quý III/2026 - Hà Nội
21	Dây đồng bọc PVC; CV; 2x2,5mm2; 0,6/1kV	m	16	31.747	507.952	Giá liên sở Quý III/2026 - Hà Nội
22	Dây nhôm bọc PVC; AV; 1x185mm2; 0,6/1kV	m	6	123.617	741.702	Giá liên sở Quý III/2026 - Hà Nội
23	Dây buộc cổ sứ đơn; composite; cỡ dây 70mm2	cái	19	97.200	1.846.800	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
24	Dây buộc cổ sứ kép; composite; cỡ dây 70mm2	cái	6	186.840	1.121.040	KQLCNT 23/09/2026 – Công ty Điện lực Sơn Tây
25	Khóa néo dây chống sét; Gang dẻo mạ kẽm; cho dây chống sét	cái	6	539.770	3.238.620	KQLCNT 11/09/2026 – Công ty Điện lực Quảng Trị
26	Khóa đỡ dây chống sét; Gang dẻo mạ kẽm; cho dây chống sét	cái	2	472.450	944.900	KQLCNT 11/09/2026 – Công ty Điện lực Quảng Trị
27	Xà phụ đỡ lèo 1 pha (26,5kg/bộ)	Bộ	2	1.037.316	2.074.632	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành

STT	Tên VTTB	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền	Cơ sở lấy giá
28	Xà X2 néo 3 pha cột đơn sứ chuỗi (76,741kg/ bộ)	Bộ	3	3.003.950	9.011.850	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
29	Xà X2 néo 3 pha cột đôi doc tuyến sứ chuỗi (82,521kg/ bộ)	Bộ	2	3.230.202	6.460.404	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
30	Xà chống sét van đường dây (26kg/bộ)	Bộ	2	1.017.744	2.035.488	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
31	Gông giằng 2 cột LT 18 (102,3kg/ bộ)	Bộ	2	4.004.431	8.008.862	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
32	Giá đỡ chống sét van mặt máy(1,65 (kg/bộ)	bộ	2	64.588	129.176	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm

STT	Tên VTTB	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền	Cơ sở lấy giá
						xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
33	Thang đỡ cáp hạ thế trạm treo (69,499 (kg/bộ)	bộ	2	2.720.469	5.440.938	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
34	Xà néo sứ chuỗi đỉnh trạm xuyên tâm ngang tuyến (56,071kg/bộ)	bộ	2	2.194.843	4.389.686	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
35	Xà đỡ cầu chì tự rơi xuyên tâm tâm cột 2,6m (56,071kg/bộ)	bộ	2	2.194.843	4.389.686	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
36	Xà đỡ sứ trung gian cột xuyên tâm tâm cột 2,6m (24,255kg/bộ)	bộ	2	949.438	1.898.876	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành

STT	Tên VTTB	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền	Cơ sở lấy giá
37	Xà đỡ sứ trung gian tâm cột 2,6m (32,1kg/bộ)	bộ	2	1.256.522	2.513.044	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
38	Giá đỡ MBA tâm cột 2,6m (134,04kg/bộ)	bộ	1	5.246.862	5.246.862	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
39	Công son + Cổ giề chống tụt đỡ MBA (93,67kg/bộ)	bộ	2	3.666.618	7.333.236	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
40	Ghế cách điện trạm treo tâm 2.6m (156,64kg/bộ)	bộ	2	6.131.516	12.263.032	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
41	Xà đỡ ghế cách điện 24kV (127,63kg/bộ)	bộ	2	4.995.949	9.991.898	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm

STT	Tên VTTB	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền	Cơ sở lấy giá
						xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
42	Thang trèo (31,32 kg/bộ)	bộ	2	1.225.990	2.451.980	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
43	Giá đỡ tủ hạ thế trạm treo 24kV(14,22kg/bộ)	bộ	2	556.628	1.113.256	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
44	Giá đỡ tủ điều khiển tụ bù (14,22kg/bộ)	bộ	2	556.628	1.113.256	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
45	Cọc V63x63x6 dài 2,5m thép mạ kẽm nhúng nóng	cái	18	561.645	10.109.610	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành

STT	Tên VTTB	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền	Cơ sở lấy giá
46	Dây thép dẹt 40x4 thép mạ kẽm nhúng nóng	m	120	49.950	5.994.000	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
47	Dây và cọc tiếp địa thép mạ kẽm nhúng nóng; 212,66kg/bộ	bộ	2	8.208.889	16.417.778	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
48	Dây và cọc tiếp địa thép mạ kẽm nhúng nóng; 35,373kg/ bộ	bộ	3	1.365.433	4.096.299	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
49	Thép tiếp địa D12, tiếp địa xà trên cột 18m; 14,634kg/bộ	bộ	5	564.887	2.824.435	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
50	Thép tiếp địa D12, tiếp địa xà trên cột 12m; 10,189kg/bộ	bộ	2	393.306	786.612	Theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm lập kế hoạch, kết hợp với bảng chiết tính đơn giá gia công, mạ kẽm

STT	Tên VTTB	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền	Cơ sở lấy giá
						xà sắt do Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội ban hành
51	Thanh cái đồng 40x6	m	3	432.000	1.296.000	KQLCNT 15/06/2026 – Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng
52	Ống nhựa vặn xoắn; D130/100mm; HDPE	m	40	62.700	2.508.000	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
53	Đầu cốt Đồng; 35mm2	Cái	60	24.800	1.488.000	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
54	Đầu cốt Đồng; 50mm2	cái	60	38.500	2.310.000	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
55	Đầu cốt Đồng; 240mm2	Cái	64	301.400	19.289.600	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
56	Ống co nhiệt hạ thế; 50mm2	m	4	49.700	198.800	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
57	Băng dính cách điện; <1kV	cuộn	20	9.800	196.000	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
58	Biển cảnh báo nguy hiểm có điện	Cái	6	180.400	1.082.400	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
59	Biển tên trạm biến áp; 600x300mm	Cái	5	432.000	2.160.000	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
61	Biển "Cấm trèo! Điện áp cao nguy hiểm chết người"; kích thước 240x360mm; tôn	bộ	3	123.120	369.360	KQLCNT 03/11/2026 – Công ty Điện lực Sơn La- CN Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc
66	Biển sơ đồ điện; giấy; 297x210mm	bộ	3	10.800	32.400	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
67	Biển báo tên đầu cáp	bộ	6	43.200	259.200	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội

STT	Tên VTTB	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền	Cơ sở lấy giá
68	Biển báo an toàn, số cột	cái	3	123.120	369.360	KQLCNT 03/11/2026 – Công ty Điện lực Sơn La- CN Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc
69	Đai thép + Khóa đai; 1m; Thép	Bộ	26	14.520	377.520	KQLCNT 27/10/2026 – Công ty Điện lực Gia Lâm
70	Dây thít; 10 x 500mm	túi	20	42.120	842.400	KQLCNT 02/11/2026 – Viện Kỹ thuật Phòng không - Không quân
71	Băng dính cách điện; <1kV; các màu	cuộn	15	15.200	228.000	KQLCNT 05/10/2026 – Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội
72	Khóa cửa tủ	Cái	4	43.200	172.800	KQLCNT 05/11/2026 – Trường Đại học Công nghệ Thông tin
73	Xi măng; PC30	kg	10.076	1.809	18.227.484	Giá liên sở Quý III/2026 - Hà Nội
74	Cát vàng; hạt 1-2mm	m3	23,17	715.000	16.566.550	Giá liên sở Quý III/2026 - Hà Nội
75	Đá dăm; 4-6cm	m3	2,13	480.000	1.022.400	Giá liên sở Quý III/2026 - Hà Nội
76	Đá dăm; 2-4cm	m3	17,82	544.999	9.711.882	Giá liên sở Quý II/2026 - Hà Nội
77	Đá dăm; 1-2cm	m3	7,34	770.000	5.651.800	Giá liên sở Quý III/2026 - Hà Nội
	TỔNG CỘNG				**1.860.834.018**	